

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục 14 thủ tục hành chính chuẩn hóa
trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và
Môi trường tỉnh Bến Tre**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1889/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 14 thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 16 thủ tục hành chính ban hành mới, 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

2. Bãi bỏ Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung 14 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng KT, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



Trần Ngọc Tam

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 1398 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực: Thủy lợi				
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
2	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
3	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực: Thủy lợi				
4	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
5	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
6	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
7	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực: Thủy lợi				
8	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
9	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
10	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
11	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT ngày

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực: Thủy lợi				
				16/6/2022.
12	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
13	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện xe cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023.
14	2.001804	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022.

Phụ lục II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 1398 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

1. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.004427 - Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ¹ gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (*tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép;

(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án;

+ Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Thời hạn cấp giấy phép là 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện TTHC:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép.

- Phí, lệ phí: Không có.

- Tên mẫu đơn, tờ khai: Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- Điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

¹ Số hóa bắt buộc

+ Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Thời hạn đề nghị cấp phép....; từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm...

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã TTHC: 2.001796 - Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ² gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép;

(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

² Số hóa bắt buộc

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.

b) Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 01**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:

- Nội dung:

- Vị trí của các hoạt động

- Thời hạn đề nghị cấp phép....;từ... ngày...tháng năm...đến ngày...tháng...năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục: Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã TTHC: 2.001795 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ³ gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

³ Số hóa bắt buộc

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;

(5) Bản sao giấy phép dịch vụ nổ mìn;

(6) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, 21, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 01**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Thời hạn đề nghị cấp phép....;từ... ngày...tháng năm...đến ngày...tháng...năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 2.001793 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre tại địa chỉ: dichvucong.bentre.gov.vn/.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁴ gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp giấy phép;

(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

⁴ Số hóa bắt buộc

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;

(5) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa;

(6) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018;

+ Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 01**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Thời hạn đề nghị cấp phép....;từ... ngày...tháng năm...đến ngày...tháng...năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.004385 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁵ gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

⁵ Số hóa bắt buộc

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

+ Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 01**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Thời hạn đề nghị cấp phép....;từ... ngày...tháng năm...đến ngày...tháng...năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

6. Thủ tục: Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 2.001791 – Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁶ gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

⁶ Số hóa bắt buộc

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018.

+ Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 01**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ...tháng ...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi (tên công trình thủy lợi) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy lợi) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Thời hạn đề nghị cấp phép....;từ... ngày...tháng năm...đến ngày...tháng...năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

7. Thủ tục: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.003921 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp lại giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp lại giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁷ gồm:

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Thời hạn cấp giấy phép là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện TTHC:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép.

⁷ Số hóa bắt buộc

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Có (*Giấy phép bị mất, bị rách, bị hư hỏng*).

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 17 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 03**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ đến

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ủy ban nhân dân tỉnh) xem xét và cấp lại giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị cấp phép lại:

- Vị trí của các hoạt động:

- Nội dung:

- Thời hạn cấp phép: từ ... ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- Lý do xin cấp lại:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp lại giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

8. Thủ tục: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.003893 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp lại giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp lại giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre tại địa chỉ: dichvucong.bentre.gov.vn/.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁸ gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).

(2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(3) Bản sao các Quyết định do cơ quan có thẩm quyền cấp về việc thay đổi tên doanh nghiệp do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Thời hạn cấp giấy phép là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện TTHC:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

⁸ Số hóa bắt buộc

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Có (*tên của tổ chức cá nhân đã được cấp giấy phép bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức*).

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 17 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 03**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ đến

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp lại giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị cấp phép lại:

- Vị trí của các hoạt động:

- Nội dung:

- Thời hạn cấp phép: từ ... ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- Lý do xin cấp lại:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp lại giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

9. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.003880 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁹ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

⁹ Số hóa bắt buộc

(3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép);

+ Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.

b) Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 10, điểm c khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 02**TÊN TỔ CHỨC**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG) GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng Điều chỉnh nội dung giấy phép:...

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt độngtrong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, hoặc Điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị gia hạn hoặc Điều chỉnh nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Nội dung:
- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày...tháng... năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) gia hạn (hoặc Điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

10. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 1.003870 – Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ¹⁰ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

(3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

¹⁰ Số hóa bắt buộc

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

+ Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện TTHC:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 02**TÊN TỔ CHỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG) GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng Điều chỉnh nội dung giấy phép:...

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt độngtrong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, hoặc Điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị gia hạn hoặc Điều chỉnh nội dung:

.....

- Vị trí của các hoạt động

- Nội dung:

- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày...tháng... năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) gia hạn (hoặc Điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP*(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)*

11. Thủ tục: Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý (Mã số TTHC: 1.003867 – Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì thông báo lý do không phê duyệt bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ¹¹ gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 04 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

+ Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

+ Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;

¹¹ Số hóa bắt buộc

+ Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan;

+ Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 04 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

+ Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ *Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.*

**Mẫu 04: TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày....tháng....năm 20...

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt và ban hành

Quy trình vận hành công trình thủy lợi

Kính gửi: [tên cơ quan phê duyệt và ban hành]

Căn cứ Quyết định sốngày/...../20.....của.....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi ngày....tháng....năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ

Căn cứ

Quy trình vận hành công trình thủy lợiđã đượclập

[Tên đơn vị trình] lập Tờ trình kính đề nghị [tên cơ quan phê duyệt và ban hành] phê duyệt và ban hành quy trình vận hành công trình thủy lợivới nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG QUY TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại công trình: (đặc biệt, liên tỉnh, 01 tỉnh..)
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):.....
5. Địa điểm:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Nhà thầu lập Quy trình vận hành công trình thủy lợi:
10. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM CÓ

1. Văn bản pháp lý

- Văn bản chủ trương về việc lập quy trình vận hành công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương lập quy trình vận hành (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập quy trình vận hành;

- Quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch thủy lợi vùng, các tỉnh của công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

- Bản dự thảo "Quy trình vận hành công trình thủy lợi" theo mẫu Phụ lục I, Thông tư này;

- Các tài liệu tính toán (Kiểm tra lại các thông số khí tượng thủy văn, năng lực của các công trình thủy lợi, yêu cầu cấp nước, tiêu nước, cân bằng nước);

- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật: báo cáo tính toán nhu cầu nước, thủy văn, thủy nông, thủy lực....

- Các văn bản, tài liệu sử dụng trong quá trình lập quy trình;

- Các văn bản đóng góp ý kiến của địa phương, ngành liên quan;

- Các tài liệu liên quan khác kèm theo;

- Bản điện tử lưu trữ toàn bộ hồ sơ trình thẩm định.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt quy trình vận hành (Tên quy trình)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tên cơ quan thẩm định;
- Lưu: VT...

[Tên đơn vị trình]

Thủ trưởng

(Ký tên và đóng dấu)

**Mẫu số 02: QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI QUAN
TRỌNG ĐẶC BIỆT, CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LỚN, CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI VỪA**

**TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-....

..., ngày....tháng....năm 20....

Quy trình vận hành công trình thủy lợi.....

*(Ban hành kèm theo Quyết định số... . /QĐ-ngày / /20...
của.....)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ sở pháp lý

Trích dẫn các văn bản pháp quy liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi: Luật Thủy lợi; Luật Tài nguyên nước; Luật Đê điều; Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản liên quan khác,

2. Nguyên tắc vận hành công trình

Vận hành công trình mang tính hệ thống không chia cắt theo địa giới hành chính; vận hành, khai thác theo thiết kế và năng lực thực tế của các công trình.

3. Nhiệm vụ của hệ thống công trình: Tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước, rửa mặn, ngăn lũ...

4. Thông số kỹ thuật chủ yếu của các công trình đầu mối chủ yếu trong hệ thống

5. Các quy định khác tùy theo điều kiện cụ thể của hệ thống

Chương II

VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC

1. Trường hợp nguồn nước đảm bảo yêu cầu dùng nước

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân phối nước.

2. Trường hợp nguồn nước không đảm bảo yêu cầu dùng nước

- Mức độ đảm bảo cấp nước theo thứ tự ưu tiên đối với các đối tượng dùng nước;
- Các giải pháp: Bổ sung nguồn nước, phân phối nước hợp lý tiết kiệm, điều chỉnh yêu cầu dùng nước...;

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân phối nước.

3. Trường hợp khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, thau chua, rửa mặn hệ thống

- Mức độ đảm bảo cấp nước theo thứ tự ưu tiên đối với các đối tượng dùng nước;
- Các giải pháp: Bổ sung nguồn nước, phân phối nước hợp lý tiết kiệm, điều chỉnh yêu cầu dùng nước...;
- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân phối nước.

4. Trường hợp đặc biệt

Dự báo có tin bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn ảnh hưởng đến hệ thống; Lũ sông cao (từ báo động 3 trở lên); công trình chính gặp sự cố.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng cần lấy qua công trình đầu mối và các công trình phân phối nước.

Chương III

VẬN HÀNH TIÊU, THOÁT NƯỚC

I. Vận hành tiêu thoát nước

Vận hành hệ thống tiêu sau mỗi đợt tưới hoặc có những vùng cục bộ cần tiêu để ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt, cải thiện chất lượng nước, cụ thể:

1. Hệ thống không ảnh hưởng thủy triều

a) Trường hợp 1: Năng lực của hệ thống đảm bảo yêu cầu tiêu nước.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối ứng với mưa thiết kế (tính theo lượng mưa 1, 3, 5 ngày lớn nhất).

b) Trường hợp 2: Năng lực của hệ thống không đảm bảo yêu cầu tiêu nước (lượng mưa thực tế lớn hơn lượng mưa thiết kế).

- Thứ tự và mức độ ưu tiên đảm bảo tiêu nước đối với các đối tượng cần tiêu nước;
- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối ứng với mưa thiết kế (tính theo lượng mưa 1, 3, 5.. ngày lớn nhất);
- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu nước, thay đổi diện tích vùng tiêu hoặc hướng tiêu, điều chỉnh yêu cầu tiêu nước (lưu lượng và thời gian tiêu nước)... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

2. Hệ thống ảnh hưởng thủy triều

a) Trường hợp 1: Mưa nhỏ hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều cường.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

b) Trường hợp 2: Mưa nhỏ hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều kém.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối.

c) Trường hợp 3: Mưa lớn hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều cường, lũ sông thấp.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

d) Trường hợp 4: Mưa lớn hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều kém, lũ sông thấp.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

đ) Trường hợp 5: Mưa nhỏ hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều cường, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

e) Trường hợp 6: Mưa nhỏ hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều kém, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

g) Trường hợp 7: Mưa lớn hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều cường, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;

- Mức nước tại các công trình điều tiết;

- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;

- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi

vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

h) Trường hợp 8: Mưa lớn hơn mưa thiết kế, gặp kỳ triều kém, lũ sông cao.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;
- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

II. Vận hành thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;
- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng.

III. Vận hành tiêu nước đệm

Dự báo có bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc các hình thái thời tiết gây mưa lớn trong hệ thống.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối.

IV. Vận hành trong trường hợp đặc biệt: Quy định vận hành công trình khi có nguy cơ xảy ra sự cố hoặc xảy ra sự cố.

- Trình tự, thời gian vận hành các công trình;
- Mức nước tại các công trình điều tiết;
- Lưu lượng nước tiêu tại các trạm bơm đầu mối;
- Các giải pháp: Bổ sung năng lực tiêu, hỗ trợ tiêu bằng máy bơm, thay đổi vùng tiêu, hướng tiêu... tùy theo mức độ nghiêm trọng và thứ tự ưu tiên của đối tượng; đề xuất phương án xử lý nguy cơ xảy ra sự cố hoặc khắc phục khẩn cấp sự cố để đảm bảo an toàn.

Chương IV

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

1. Quy định các trạm, điểm đo và theo dõi lượng mưa, mực nước, lưu lượng và bốc hơi
2. Quy định chế độ quan trắc theo mùa, vụ sản xuất
3. Quy định đo kiểm tra định kỳ, chất lượng nước của hệ thống
4. Quy định chế độ báo cáo, sử dụng và lưu trữ tài liệu KTTV
5. Quy định chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc KTTV

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

1. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân đối với việc vận hành hệ thống

- Ủy ban nhân dân các cấp;
- Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN các cấp;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình thủy lợi do Bộ quản lý; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh quản lý;
- Các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi;
- Các tổ chức, cá nhân hưởng lợi.

2. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn đối với việc huy động nhân lực, vật tư để ứng cứu, phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn công trình của các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- 1. Thời điểm thi hành QTVH hệ thống**
- 2. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung QTVH hệ thống**
- 3. Hình thức xử lý vi phạm QTVH hệ thống theo quy định của pháp luật**

(Tên cơ quan phê duyệt)

Thủ trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục kèm theo quy trình vận hành công trình

1. Tổng quan về hệ thống công trình thủy lợi

- Đặc điểm hệ thống (địa hình, KTTV, dân sinh kinh tế, môi trường...);
- Danh mục các văn bản pháp quy liên quan đến hệ thống (qui hoạch, thiết kế, bổ sung nâng cấp công trình...).

2. Thống kê các công trình chủ yếu

Thống kê các công trình đầu mối và các công trình trên trục chính (vị trí, thông số kỹ thuật, nhiệm vụ, đặc điểm hiện trạng...).

3. Bản đồ hệ thống theo thiết kế được duyệt

- Bản đồ hiện trạng công trình và phân vùng tưới in trên khổ A3;
- Bản đồ hiện trạng công trình và phân vùng tiêu in trên khổ A3.

12. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 2.001426 – Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ¹² gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

¹² Số hóa bắt buộc

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

(3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép);

+ Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG) GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng Điều chỉnh nội dung giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt độngtrong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, hoặc Điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị gia hạn hoặc Điều chỉnh nội dung:

- Vị trí của các hoạt động

- Nội dung:

- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày...tháng... năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) gia hạn (hoặc Điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

13. Thủ tục: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (Mã số TTHC: 2.001401 – Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ:

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, nếu đủ điều kiện thì cấp phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ¹³ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);

(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

¹³ Số hóa bắt buộc

(3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;

(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung:

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép);

+ Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thâm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn cấp giấy phép là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có (*Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018*).

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Khoản 8, 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG) GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn sử dụng Điều chỉnh nội dung giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt độngtrong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, hoặc Điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị gia hạn hoặc Điều chỉnh nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Nội dung:
- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày...tháng... năm....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) gia hạn (hoặc Điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

14. Thủ tục: Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn do UBND tỉnh quản lý (Mã số TTHC: 2.001804 – Dịch vụ công trực tuyến một phần)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ

Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Nếu đủ điều kiện Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre tại địa chỉ: dichvucong.bentre.gov.vn/.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ¹⁴ gồm:

- + Tờ trình đề nghị phê duyệt của tổ chức, cá nhân, lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới;
- + Bản sao chụp quyết định giao cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi hoặc hợp đồng khai thác công trình thủy lợi;
- + Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình thủy lợi;

¹⁴ Số hóa bắt buộc

+ Thuyết minh hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới (Căn cứ lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới; đánh giá hiện trạng khu vực cấm mốc chỉ giới; số lượng mốc chỉ giới cần cấm, phương án định vị mốc chỉ giới, khoảng cách các mốc chỉ giới, các mốc tham chiếu (nếu có); phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu, thi công, giải phóng mặt bằng; tiến độ cấm mốc; bàn giao mốc chỉ giới; tổ chức thực hiện);

+ Bản vẽ phương án cấm mốc chỉ giới thể hiện phạm vi bảo vệ công trình, vị trí, tọa độ của các mốc chỉ giới trên nền bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi;

+ Dự toán kinh phí cấm mốc chỉ giới, trừ các công trình xây dựng mới và sửa chữa do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện TTHC:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết TTHC:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định.

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Không có.

- **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;

+ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

+ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.